

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/KDTM-ST

Ngày 31-3-2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

Bà Bùi Thị Thúy Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương: Bà Nguyễn Thị Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 61/2020/TLST -KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T; trụ sở: 354-356 Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 22 A Phú Hòa, phường 7, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/10/2020). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty X; trụ sở: Thửa đất số 44C, tờ bản đồ số E3, khu phố T, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Mộng N, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2020, quá trình tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/12/2019, Công ty T (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký Hợp đồng mua bán số 058.2019-INT.VX với Công ty X (sau đây gọi tắt là Công ty X). Theo đó Công ty T bán cho Công ty X thiết bị, dụng cụ là khung bàn Inox với tổng giá trị của hợp đồng là 1.069.849.255 đ (chưa bao gồm VAT). Việc thanh toán được chia thành 02 đợt, đợt 01: 300.000.000 đ vào ngày 09/12/2019; đợt 2 thanh toán tổng giá trị còn lại 769.849.000 đ sau 45 ngày kể từ ngày nhận hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T đã giao hàng đầy đủ chủng loại, đúng thời gian và địa điểm cho Công ty X (lần cuối cùng giao hàng là ngày 26/02/2020). Tuy nhiên, Công ty X vi phạm nghĩa vụ thanh toán, chỉ mới thanh toán tiền hàng đợt 01 cho Công ty T. Đã nhiều lần Công ty T liên hệ với Công ty X để thanh toán nợ nhưng Công ty X né tránh. Ngày 18/5/2020 Công ty T gửi bản đối chiếu công nợ cho Công ty X, sau khi căn trừ số tiền công ngoài, tổng số tiền Công ty X còn nợ của Công ty T theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/5/2020 là 740.192.800 đ. Người đại diện hợp pháp của Công ty X hứa sẽ thanh toán nợ từ đầu tháng 7/2020 bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của bà Lê Thị Thanh hàng tháng từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng nhưng vẫn không thực hiện.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản tiền sau:

- + Tiền hàng theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 18/5/2020: 740.192.800 đ.
- + Tiền phạt do vi phạm Hợp đồng kinh tế số 058.2019-INT.VX ngày 03/12/2019 với số tiền: $8\% \times 740.192.800 \text{ đ} = 59.215.424 \text{ đ}$.

Tổng cộng số tiền 799.408.224 đ.

- *Đối với bị đơn Công ty X:* Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Tại Điều 5 Hợp đồng mua bán số 058.2019-INT.VX ngày 03/12/2019 nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận “*Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có xảy ra mâu thuẫn mà hai bên không tự giải quyết được thì sẽ nhờ Tòa án Kinh tế TP.HCM; Quyết định của Tòa án Kinh tế TP.HCM là phán quyết cuối cùng và bắt buộc mỗi bên phải thực hiện*”. Theo quy định tại Điều 30, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên thỏa thuận của các bên nêu trên là vi phạm pháp luật và không được tuân thủ thực hiện. Bị đơn Công ty X có địa chỉ tại Thửa đất số 44C, tờ bản đồ số E3, khu phố T, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An.

[1.2] Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 19/02/2021 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hợp đồng Mua bán số 058.2019-INT.VX ngày 03/12/2019 được ký giữa người đại diện hợp pháp của Công ty T và người đại diện hợp pháp của Công ty X là sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên nên có giá trị bắt buộc thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã giao đúng các thiết bị, dụng cụ với thông số kỹ thuật theo đúng thời hạn và địa điểm cho Công ty X. Công ty X phải có trách nhiệm thanh toán tiền hàng cho Công ty T là 1.069.849.255 đ (chưa bao gồm VAT) theo hợp đồng Mua bán số 058.2019-INT.VX, tuy nhiên Công ty X mới chỉ thanh toán cho Công ty T tiền hàng đợt 01, hiện Công ty X còn nợ Công ty T theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/5/2020 số tiền 740.192.800 đ.

[2.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt bằng hình thức niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ và yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã thông báo cho bị đơn đến hòa giải, tuy nhiên bị đơn không đến tham gia hòa giải, không có văn bản phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn mặc nhiên thừa nhận đối với các yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình.

[2.3] Căn cứ vào tài liệu chứng cứ và biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/5/2020, cho thấy Công ty T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng Mua bán số 058.2019-INT.VX mà các bên đã giao kết, ngược lại Công ty X chỉ mới

thực hiện việc thanh toán cho Công ty T tiền hàng đợt 01 là đã vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty T. Vì vậy, Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty X thanh toán tiền hàng còn nợ lại là 740.192.800 đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật thương mại năm 2005.

[2.4] Về phạt vi phạm: Tại Điều 4 của Hợp đồng Mua bán số 058.2019-INT.VX ngày 03/12/2019 các bên có thỏa thuận việc phạt nếu vi phạm Hợp đồng. Như đã phân tích ở trên, Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng nên nay nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền phạt do vi phạm Hợp đồng số tiền $8\% \times 740.192.800 \text{ đ} = 59.215.424 \text{ đ}$, yêu cầu này phù hợp với quy định tại Điều 301 Luật Thương mại năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền nợ hàng 740.192.800 đ và phạt vi phạm hợp đồng 59.215.424 đ, tổng cộng là 799.408.224 đ.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm: Công ty X phải chịu án phí theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 50, 300, 301 Luật Thương mại năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T đối với bị đơn Công ty X về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty X phải thanh toán cho Công ty T khoản nợ 799.408.224 đ, trong đó:

+ Tiền hàng: 740.192.800 (bảy trăm bốn mươi triệu một trăm chín mươi hai nghìn tám trăm) đồng;

+ Tiền phạt vi phạm hợp đồng: 59.215.424 (năm mươi chín triệu hai trăm mười lăm nghìn bốn trăm hai mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày Công ty T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty X chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng Công ty X còn phải trả cho Công ty T số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty X phải chịu 35.976.329 (ba mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi chín) đồng. Trả lại cho Công ty T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 17.988.000 (mười bảy triệu chín trăm tám mươi tám nghìn không trăm) đồng theo biên lai thu tiền số 0049138 ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương